

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2022/HC-PT

Ngày: 26/9/2022

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong trường hợp thu hồi đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 486/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong trường hợp thu hồi đất*”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8771/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 1, M, thị trấn V, huyện L, tỉnh H; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Văn T, ông Đỗ Thành H1 – Luật sư Văn phòng Luật sư T2, Đoàn luật sư thành phố H2; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức N1, chức vụ: Phó chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh H; Địa chỉ: Thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy H3, chức vụ: Phó chủ tịch UBND; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 1, M, thị trấn V, huyện L, tỉnh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản trình bày ý kiến của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ ông Nguyễn Văn L có 02 nhân khẩu gồm: ông Nguyễn Văn L, vợ là bà Bùi Thị N được giao, chia đất theo tiêu chuẩn 115 thửa đất nông nghiệp số 138, thuộc tờ bản đồ số 6, diện tích 713m² và thửa số 140 diện tích 52m² ở thôn 1 M, thị trấn V, huyện L, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết UBND) huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609/QSDĐ/556 (H) QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2001.

Diện tích đất trên của hộ ông Nguyễn Văn L nằm trong diện thu hồi để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V (giai đoạn 2) với diện tích thu hồi là 713m². Để thực hiện dự án, ngày 13/9/2019, UBND huyện L ban hành Thông báo thu hồi đất số 133/TB-UBND đối với hộ ông Nguyễn Văn L. Cùng ngày 12/02/2020, UBND huyện L ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ Nguyễn Văn L, diện tích thu hồi đất nông nghiệp là 713m² tại thửa số 138 thuộc tờ bản đồ số 6 và Quyết định số 176/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trong đó hộ Nguyễn Văn L có số tiền phê duyệt là 145.452.000đ, đồng thời mời hộ ông Nguyễn Văn L nhận tiền theo phương án được duyệt và bàn giao mặt bằng nhưng ông Nguyễn Văn L không nhận. Ngày 29/5/2020, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Ngày 09/12/2020, Ban cưỡng chế thực hiện thu hồi đất đã tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn L.

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2021, văn bản trình bày ý kiến; biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Bùi Thị N trình bày: Gia đình bà có mảnh đất nông nghiệp diện tích 713m² tại thị trấn V, huyện L, tỉnh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 21/01/2001. Ngày 12/02/2020, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 133/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình bà để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V (giai đoạn 2). Bà N không đồng tình với quyết định trên của Ủy ban nhân dân huyện L vì bà cho rằng dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) có dấu hiệu mập mờ, mục đích thực hiện dự án không rõ ràng. Quá trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác giải phóng mặt bằng liên quan đến việc thu hồi đất của hộ gia đình bà diễn ra không minh bạch, khách quan có dấu hiệu không đúng với quy định của pháp luật. Mặt khác bà không nhất trí với phương án bồi thường của UBND huyện L.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2021 và biên bản lấy lời khai ngày

16/8/2021, bà Bùi Thị N xác định khởi kiện UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L đối với 03 quyết định: Quyết định 133/QĐ-UBND ngày 12/12/2020 của UBND huyện L về việc thu hồi diện tích đất nông nghiệp đối với hộ ông Nguyễn Văn L (chồng bà); Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 12/12/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) tại địa bàn xã Đồng Lý (nay là thị trấn V); Quyết định 3030/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V (giai đoạn 2) đối với hộ ông Nguyễn Văn L. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Phía người bị kiện UBND huyện L và Chủ tịch UBND huyện L tại Văn bản số 665/UBND-PTQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 có quan điểm: Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) có ý nghĩa quan trọng để phát triển đô thị và từng bước cụ thể hóa quy hoạch chung xây dựng thị trấn V, huyện L, tỉnh H. Dự án thuộc diện thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện chủ trương thu hồi đất, các văn bản của tỉnh H đồng ý về chủ trương thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2); UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tiến hành công tác giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án trong đó có hộ ông Nguyễn Văn L. Việc thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do hộ ông L không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi; không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nên phải tổ chức cưỡng chế, việc cưỡng chế đảm bảo công khai, đúng trình tự. Nay bà Bùi Thị N khởi kiện không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn V có quan điểm tại Văn bản số 118/CV-UBND ngày 02/8/2021:

Về đất nông nghiệp: Nhân khẩu được chia đất theo Quyết định 115 tiêu chuẩn của hộ ông Nguyễn Văn L gồm 2 nhân khẩu là ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị N.

UBND thị trấn V đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L, Hội đồng giải phóng mặt bằng và tổ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện bàn giao, niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; tổ chức hội nghị công bố quy hoạch, triển khai kế hoạch, chế độ chính sách tới các hộ dân nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng có dự án có diện tích đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có quan điểm: Hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 15/9/2021 của

Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 58, 62, 66, 67, 68, 69 và 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính Phủ quy định về khung giá đất; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 57; Điều 115; Điều 116; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193; 204; 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H giải quyết: Hủy Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc thu hồi đất; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) đối với hộ ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, người khởi kiện bà Bùi Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng hồ sơ pháp lý Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (Giai đoạn 2) tại xã Đồng Lý không có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh theo quy định tại điều 32 Luật Đầu tư 2014; UBND huyện L có sự mập mờ, không minh bạch trong việc thu hồi đất như: Không công khai các văn bản pháp lý liên quan đến dự án; không ban hành thông báo thu hồi đất; dù chưa có Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án nhưng UBND xã Đ1 đã có giấy mời gửi các hộ dân về việc tổ chức hội nghị chi trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng dự án; không tiến hành việc công bố công khai đồ án quy hoạch theo quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch đô thị 2018; không tổ chức lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng theo đúng quy định trước khi có Quyết định số 819/QĐ-UBND của UBND tỉnh H về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thị trấn V, huyện L, tỉnh H ngày 20/6/2012.

Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND huyện L thu hồi 713m² đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn L là đúng nhưng do quy trình ban hành Quyết định thu hồi đất của người dân là không đúng các quy định của pháp luật dẫn đến Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của

UBND huyện L về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện L về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất để giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) đối với hộ ông Nguyễn Văn L là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà để UBND huyện L xem xét nâng mức bồi thường về đất và đề nghị được cấp đất tái định cư cho gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án: Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện của những người bị kiện đã đảm bảo trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, nội dung các quyết định là có căn cứ. Quá trình tham gia tố tụng bà Nhuận thừa nhận việc gia đình bà có nghe được thông tin về thu hồi đất trên loa truyền thanh của thị trấn và tại các cuộc họp liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án nên kháng cáo cho rằng UBND huyện L có sự mập mờ, không minh bạch trong việc thu hồi đất, cũng như công khai các văn bản pháp lý liên quan đến dự án là không có cơ sở.

Đối với đề nghị UBND huyện L xem xét nâng mức bồi thường về đất của người khởi kiện không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên không có cơ sở xem xét.

Tòa án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nhuận là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại đơn khởi kiện và văn bản trình bày ý kiến, bà Bùi Thị N yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính của UBND huyện L trong lĩnh vực quản lý đất đai và Quyết định về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh H nên Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện thực hiện trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn II – Đợt 4) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh H phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013: Ngày 20/01/2012, Chủ tịch UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 321/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy

hoạch chung xây dựng thị trấn V, huyện L, tỉnh H. Tiếp theo ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 20/6/2012 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thị trấn V, huyện L, tỉnh H với tổng diện tích 19,1 ha; Văn bản số 1596/UBND-GTĐD ngày 21/9/2012 về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án làm 02 giai đoạn (giai đoạn I là dự án đầu tư xây dựng phía Nam tuyến đường ĐT.491; giai đoạn II xây dựng phía Bắc đường ĐT.491); Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở thị trấn V; Văn bản số 295/UBND-GTĐD ngày 01/02/2018; Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 về việc phê duyệt đề xuất dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn II); Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh H khóa XVIII - Kỳ họp thứ 7 về các dự án thu hồi đất và các dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa năm 2019 và bổ sung năm 2018 trên địa bàn tỉnh H và Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh H phê duyệt kế hoạch sử dụng đất huyện L năm 2019.

[3] Căn cứ vào các quyết định nêu trên, UBND huyện L ban hành Quyết định số 5223/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 về việc thành lập Hội đồng và tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư để thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án. Ngày 13/9/2019, UBND huyện L, tỉnh H ban hành Thông báo số 133/TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V đối với hộ ông Nguyễn Văn L. Bà N kháng cáo cho rằng gia đình bà không nhận được Thông báo số 133/TB-UBND về thu hồi đất nêu trên và Trưởng thôn M đã giả mạo chữ ký ông L trong danh sách giao Thông báo thu hồi đất. Việc ông Nguyễn Văn Thành trưởng thôn M ký thay một số hộ dân nhận Thông báo thu hồi đất là có thật, bản thân ông Thành đã viết bản tường trình sự việc, nhận trách nhiệm trong khi giao Thông báo thu hồi đất một số hộ dân đã nhờ ông ký vào danh sách giao thông báo, đồng thời UBND thị trấn V tổ chức họp kiểm điểm đối với ông Nguyễn Văn Thành. Như vậy việc làm của ông Thành không đúng quy định. Tuy nhiên căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa UBND thị trấn xác định các thông báo, quyết định các cơ quan có thẩm quyền đều thực hiện niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất, thông báo trên đài phát thanh của thị trấn và công khai tại các cuộc họp tuyên truyền vận động đối với các hộ dân nên các hộ dân đều nắm được. Phía bà Bùi Thị N xác định có nhận các Quyết định liên quan đến thu hồi đất. Do vậy quyền lợi của hộ ông L, bà N vẫn được đảm bảo.

[4] Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L phối hợp với UBND xã Đồng Lý; thôn 1 M tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất đồng thời xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận gia đình bà đã nắm được chủ trương thu hồi 713m² đất của gia đình để thực hiện dự án nhưng chưa nhất trí về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên không ký nhận thông báo. Như vậy, kháng cáo của bà N cho rằng UBND huyện L ban hành Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 về thu hồi của gia đình bà diện tích 713m² đất thửa đất nông

nghiệp số 138, thuộc tờ bản đồ số 6 tại thôn 1 M, thị trấn V, huyện L, tỉnh H được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00609/QSDD/556 (H) QĐ-UB ngày 21/11/2001 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V (giai đoạn II) có dấu hiệu mập mờ, mục đích thực hiện dự án không rõ ràng, việc thu hồi đất diễn ra không minh bạch, không khách quan có dấu hiệu không đúng với quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đây là trường hợp thu hồi đất phục vụ mục đích kinh tế, xã hội quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013 và diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông L là đất nông nghiệp nên việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện theo Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh H quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh H; Quyết định số 49/2014 ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh H về ban hành đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh H về việc quy định tạm thời bảng giá các loại đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh H; Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh H về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh H từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020. Việc bà N đề nghị được thỏa thuận và tăng giá bồi thường là không có cơ sở nên Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phía Đông thị trấn V, huyện L (giai đoạn 2) tại địa bàn xã Đồng Lý, huyện L xác định hộ ông L được phê duyệt bồi thường số tiền 145.452.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

[6] Do gia đình ông L (bà N) không hợp tác, không nhận tiền bồi thường, không bàn giao mặt bằng nên để đảm bảo tiến độ Dự án, ngày 29/5/2020, Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh H ban hành Quyết định số 3045/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn L, việc tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Như đã phân tích, việc UBND huyện L, Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh H ban hành và thực hiện các quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn L (bà N) là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 62, 63, 69, 71 Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của UBND tỉnh H về thu hồi, bồi thường khi thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Do đó, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính nêu trên là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của người khởi kiện.

[8] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị N, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2021/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm bà N đã nộp tại Biên lai thu số 0001452 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng